



Người ký: Văn phòng Sở
Email: sonnpntnt@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 21.06.2018 15:38:20 +07:00

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 508 /SNN-PTNT

Hưng Yên, ngày 21 tháng 6 năm 2018

V/v tham gia góp ý dự thảo Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Công văn số 1046/UBND-KT2 ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018.

Để hoàn thiện Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên trước khi trình UBND tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp & PTNT đề nghị quý cơ quan, đơn vị tham gia góp ý vào dự thảo Quy định.

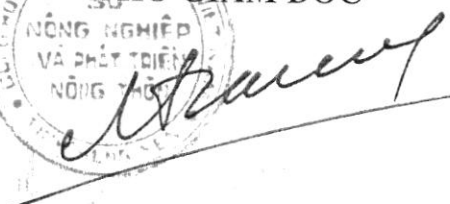
(Có dự thảo Quy định kèm theo)

Nội dung tham gia góp ý bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Phát triển nông thôn, số 47 đường Trung Trắc, P. Quang Trung, TP. Hưng Yên. Email: bayptnthy@gmail.com) trước ngày 30/6/2018 để tổng hợp, trình UBND tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục PTNT;
- Lưu VT.




Lê Trung Cần

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/QĐ-UBND
DỰ THẢO

Hưng Yên, ngày tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề,
làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-NN ngày / /2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 14/01/2010 về việc ban hành quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, thị trấn; tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH
CÔNG NHẬN VÀ QUẢN LÝ NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ,
LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN TỈNH HUNG YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày / /2018
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung, tiêu chí thủ tục công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và quản lý nhà nước về trợ giúp, khôi phục và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.
2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý nhà nước về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, được trích dẫn như sau:

1. *Nghề truyền thống* là nghề đã được hình thành lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.
2. *Làng nghề* là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.
3. *Làng nghề truyền thống* là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Điều 4. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Sản xuất muối.
7. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Điều 5. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương (thôn, làng,...) sau.

Điều 6. Nguyên tắc xét công nhận

1. Việc đánh giá, xét công nhận, công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải được thực hiện thường xuyên, hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

Chương II

TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 7. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này có hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4 Quy định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống
Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt cả 03 tiêu chí sau:
 - a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
 - b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.

c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Quy định này.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 3 Điều này và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ XÉT CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 8. Điều kiện xét và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 9. Thẩm quyền xét công nhận và thu hồi Bằng công nhận

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

2. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận không đạt theo tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi bằng công nhận.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống

Được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

a) Đối với cấp xã, hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống bao gồm:

- Đơn đề nghị công nhận nghề truyền thống của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Báo cáo tóm tắt quá trình hình thành, phát triển nghề truyền thống của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

- Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Văn bản đề nghị của UBND xã (thị trấn).

b) Đối với cấp huyện, hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống bao gồm:

- Toàn bộ hồ sơ của UBND xã (thị trấn).

- Biên bản đánh giá của UBND huyện (thành phố) về tình hình hoạt động của nghề truyền thống.

- Văn bản đề nghị công nhận nghề truyền thống của UBND huyện (thành phố).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề

Được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

a) Đối với cấp xã, hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề bao gồm:

- Đơn đề nghị công nhận làng nghề của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 (hai) năm gần nhất của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Văn bản đề nghị của UBND xã (thị trấn).

b) Đối với cấp huyện, hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề bao gồm:

- Toàn bộ hồ sơ của UBND xã (thị trấn)

- Biên bản đánh giá của UBND huyện (thành phố) về tình hình hoạt động của làng nghề.

- Văn bản đề nghị công nhận làng nghề của UBND huyện (thành phố).

3. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống

Được quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

a) Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống bao gồm:

* Đối với cấp xã, hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống bao gồm:

- Đơn đề nghị công nhận làng nghề truyền thống của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn).

- Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn của thôn (làng) có xác nhận của UBND xã (thị trấn) trong 02 (hai) năm gần nhất.

- Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

- Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Văn bản đề nghị của UBND xã (thị trấn).

* Đối với cấp huyện, hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống bao gồm:

- Toàn bộ hồ sơ của UBND xã (thị trấn)

- Biên bản đánh giá của UBND huyện (thành phố) về tình hình hoạt động của làng nghề truyền thống.

- Văn bản đề nghị công nhận làng nghề của UBND huyện (thành phố).

b) Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp chưa được công nhận làng nghề nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Trình tự thủ tục, xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. UBND xã (thị trấn) có các ngành nghề đạt tiêu chí tại Điều 7 Quy định này, lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (gồm 03 bộ hồ sơ) gửi lên UBND huyện (thành phố).

2. UBND huyện (thành phố) tập hợp hồ sơ của UBND xã (thị trấn) gửi lên, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, UBND huyện (thành phố) lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền

thống đạt tiêu chí tại Điều 7 Quy định này (gồm 02 bộ hồ sơ) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình UBND tỉnh xét công nhận.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Quy định này, trình UBND tỉnh quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

4. Định kỳ hàng năm, UBND các huyện, thành phố rà soát các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định tại Điều 7 Quy định này, lập hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

Điều 12. Trình tự thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí tại Điều 7 Quy định này sẽ bị thu hồi Bằng công nhận, trình tự các bước như sau:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đạt tiêu chí quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) tổng hợp.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) tổng hợp danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đạt tiêu chí quy định của UBND xã (thị trấn) trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh không đạt tiêu chí quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 13. Hội đồng xét duyệt, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt, công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (cấp tỉnh); là cơ quan Thường trực của Hội đồng; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Quy định này, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh bao gồm:

a) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng.

b) Giám đốc (Phó Giám đốc) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng.

c) Lãnh đạo các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội: Ủy viên.

d) Chi cục trưởng (Phó Chi cục trưởng) Chi cục Phát triển nông thôn: Ủy viên.

đ) Phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn: Thư ký Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh

Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh thẩm định các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn trên địa bàn tỉnh theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

4. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh

- Hội đồng xét duyệt làm việc theo chế độ tập thể thông qua hội nghị thẩm định dưới sự chủ trì của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền). Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được gửi đến các thành viên Hội đồng trước khi thẩm định của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại hội nghị thẩm định.

- Hội đồng xét duyệt thực hiện thẩm định tại các địa phương, họp đánh giá, xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải có ít nhất 75% số thành viên Hội đồng xét duyệt tham dự.

- Hội đồng xét duyệt, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống bằng hình thức bỏ phiếu kín được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 75% số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt tham dự.

- Hội đồng xét duyệt chỉ xét duyệt các trường hợp được Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) đề nghị; không xét duyệt các trường hợp không đảm bảo hồ sơ, trình tự thủ tục, thời hạn tại Quy định này.

- Quý III, IV hàng năm Hội đồng xét duyệt, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn tỉnh Hưng Yên.

Chương IV

QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 14. Quyền lợi

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận đạt tiêu chí tại Điều 7 Quy định này, được cấp bằng công nhận và kèm theo mức tiền thưởng là **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng*); nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

2. Được bổ sung hằng năm vào danh sách các làng nghề của tỉnh để lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề, phát triển làng nghề theo các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước.

3. Được thành lập Hội làng nghề, làng nghề truyền thống và tổ chức đại diện bảo vệ và hỗ trợ phát triển theo quy định của pháp luật.

4. Được ưu tiên sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề; được Nhà nước hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển khác.

5. Các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 15. Nghĩa vụ

1. Phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gắn với xây dựng nông thôn mới và các phong trào xã hội khác. Huy động, khuyến khích, tạo điều kiện để các nghệ nhân, thợ giỏi truyền nghề, đào tạo nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

2. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các làng nghề, làng nghề truyền thống phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và tuân thủ các quy định của pháp luật về các vấn đề có liên quan khác: an ninh, trật tự an toàn xã hội, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh...

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 16. Nội dung quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch; đề án, chương trình và dự án về ngành nghề, làng nghề nông thôn.

2. Ban hành các chủ trương, chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

3. Thực hiện vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, định hướng phát triển và quản lý tình hình hoạt động ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Thu thập thông tin, thống kê, báo cáo số liệu, tình hình ngành nghề, làng nghề nông thôn theo định kỳ và đột xuất; tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở ngành nghề nông thôn theo chức năng được quy định.

5. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về ngành nghề, làng nghề nông thôn cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn của tỉnh.

6. Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn trong quá trình sản xuất hoạt động về: thị trường, vốn, thuế, đất đai, khoa học kỹ thuật, lao động, môi trường...

7. Tổ chức công nhận, đăng ký và giám sát chất lượng sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Xúc tiến thương mại, tổ chức tuyên truyền, quảng bá thương hiệu các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn của tỉnh. Tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, hội thi các sản phẩm thuộc ngành nghề, làng nghề nông thôn theo kế hoạch hàng năm, khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thẩm định, in ấn bằng công nhận, làm khung, tiền khen thưởng cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận, sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh (chi cho thành viên Hội đồng, nước uống, photo hồ sơ, văn phòng phẩm, thuê xe, chi phí thẩm định các làng nghề đề nghị công nhận) được sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh theo dự toán được giao hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn), được chi theo chế độ công tác phí, chế độ cho tổ chức hội nghị theo quy định hiện hành.

3. Các nội dung chi khác được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) là cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có quyền hạn, trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành nghề, làng nghề nông thôn. Định kỳ 5 năm một lần, rà soát, thống kê, phân loại, lập quy hoạch (hoặc kế hoạch quản lý) phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề.

3. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

4. Làm đầu mối các quan hệ hợp tác phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở ngành nghề; thực hiện có hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, phát triển các loại dịch vụ phục vụ sản xuất.

5. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn.

6. Chủ trì, tổ chức thẩm định, trình duyệt và công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

7. Tổng hợp, theo dõi việc quản lý bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh định kỳ một năm một lần trước ngày 30 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 19. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chỉ đạo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn được giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề để khuyến khích phát triển các ngành nghề nông thôn sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải và đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành và địa phương có liên quan ban hành danh mục làng nghề bị ô nhiễm môi trường cần xử lý.

Điều 20. Sở Công Thương

1. Chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch khuyến công; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách sau khi được ban hành.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

3. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động khuyến công từ nguồn ngân sách nhà nước, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công và hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường liên kết, nghiên cứu, đẩy mạnh các giải pháp tích cực áp dụng kỹ thuật, sử dụng lao động có tay nghề nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề trên địa bàn tỉnh xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam.

Điều 21. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm.

2. Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện môi trường đối với làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

4. Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 22. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ.

Điều 23. Sở Tài chính

Hướng dẫn, cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để hỗ trợ cho hoạt động phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm theo quy định hiện hành và quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ.

Điều 24. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 25. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo phát triển du lịch gắn với làng nghề; tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

Điều 26. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Tăng cường phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan, các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống thông qua các chương trình, dự án về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 27. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kinh tế) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn quản lý. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy hoạch phát triển, bảo vệ môi trường làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

3. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

4. Tổ chức tự đánh giá, thẩm tra, hoàn thiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có trên địa bàn; hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện tự đánh giá tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hoàn thành thủ tục, hồ sơ xét công nhận.

5. Xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

6. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn quản lý. Xử lý vi phạm quy định về nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện việc quản lý bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn định kỳ một năm một lần trước ngày 22 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Có trách nhiệm rà soát, tổng hợp danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND xã, thị trấn

1. Thực hiện quản lý Nhà nước đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động trên địa bàn.

2. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn và bảo vệ môi trường để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các làng nghề lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xử lý các tổ chức cá nhân vi phạm quy định về nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống theo quy định của pháp luật báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

5. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

6. Thực hiện việc quản lý bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét xử lý theo quy định./.